

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
<b>ĐẾN</b>	Số:.....28.530.....
	Giờ.....Ngày 15 tháng 8 năm 12.....

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2012 ĐẾN NGÀY 30/06/2012**



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2- 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 27

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tài nguyên ("Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 cho đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

1. Ông Nguyễn Gia Long	Chủ tịch
2. Ông Trương Sơn Hiền	Thành viên
3. Ông Nguyễn Bá Huân	Thành viên
4. Ông Đoàn Văn Tú	Thành viên
5. Ông Nguyễn Gia Minh	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

1. Ông Trương Sơn Hiền	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03 tháng 07 năm 2012)
2. Ông Vũ Tuấn Hoàng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 07 năm 2012)
3. Ông Nguyễn Bá Huân	Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Đoàn Năng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
5. Ông Vũ Tuấn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03 tháng 07 năm 2012)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Vũ Tuấn Hoàng**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**  
**International Auditing and Financial Consulting Company Limited**

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32<sup>nd</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 2964/2012/BCSX-IFC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty Cổ phần Tài nguyên**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tài nguyên**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tài nguyên (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được lập ngày 10 tháng 08 năm 2012 từ trang 5 đến trang 27 kèm theo. Các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Ý kiến**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Khúc Đình Dũng**  
**Tổng Giám đốc**  
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0478/KTV  
 Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

**Phạm Thị Thu Hương**  
**Kiểm toán viên**  
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1693/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>126.913.581.854</b>	<b>124.250.517.502</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.699.711.653</b>	<b>2.464.242.824</b>
1. Tiền	111	V.1	3.699.711.653	2.464.242.824
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>334.186</b>	<b>334.186</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		334.186	334.186
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>117.260.396.485</b>	<b>111.877.254.488</b>
1. Phải thu khách hàng	131		79.275.806.789	81.141.564.792
2. Trả trước cho người bán	132		935.960.000	987.060.000
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	37.048.629.696	29.748.629.696
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>862.606.636</b>	<b>809.783.636</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.3	862.606.636	809.783.636
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.090.532.894</b>	<b>9.098.902.368</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.815.303	9.822.127
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		49.716.072	88.252.429
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		33.001.519	827.812
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	5.000.000.000	9.000.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>44.803.211.018</b>	<b>45.209.871.303</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.310.515.858</b>	<b>1.489.835.108</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	1.165.024.413	1.331.949.499
- Nguyên giá	222		1.896.491.415	1.896.491.415
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(731.467.002)	(564.541.916)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	37.748.202	50.142.366
- Nguyên giá	228		74.365.000	74.365.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.616.798)	(24.222.634)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	107.743.243	107.743.243
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>43.310.811.830</b>	<b>43.380.369.897</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	43.160.811.830	43.230.369.897
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	200.000.000	200.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(50.000.000)	(50.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>181.883.330</b>	<b>339.666.298</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	181.883.330	339.666.298
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>171.716.792.872</b>	<b>169.460.388.805</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>66.294.497.955</b>	<b>64.449.004.076</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>65.581.333.332</b>	<b>63.501.013.076</b>
2. Phải trả người bán	312		36.897.980.604	35.311.365.515
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	516.164.900	465.299.021
5. Phải trả người lao động	315		279.743.700	-
6. Chi phí phải trả	316		17.120.000	17.120.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	27.870.324.128	27.707.228.540
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>713.164.623</b>	<b>947.991.000</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	713.164.623	947.991.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>103.036.192.426</b>	<b>104.375.240.101</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>103.036.192.426</b>	<b>104.375.240.101</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.165.000.000	2.165.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.871.192.426	17.210.240.101
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>2.386.102.491</b>	<b>636.144.628</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>171.716.792.872</b>	<b>169.460.388.805</b>



Vũ Tuấn Hoàng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Phạm Văn Triệu  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU B 02-DN/HN  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	32.515.542.762	60.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		32.515.542.762	60.000.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	32.301.020.886	270.000.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		214.521.876	(210.000.000)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	769.851.103	8.732.603
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	98.887.812	875.816.060
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		98.887.812	875.816.060
8. Chi phí bán hàng	24		4.000.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.694.491.589	2.580.940.228
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(813.006.422)	(3.658.023.685)
11. Thu nhập khác	31		-	28.671.200
12. Chi phí khác	32		6.345.825	1.991.780.037
13. Lợi nhuận khác	40		(6.345.825)	(1.963.108.837)
14. Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(519.558.067)	(696.454.157)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.338.910.314)	(6.317.586.679)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		179.498	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.339.089.812)	(6.317.586.679)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(42.137)	(421.199.142)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		(1.339.047.675)	(5.896.387.537)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	(158)	(694)



Vũ Tuấn Hoàng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Phạm Văn Triệu  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Theo phương pháp trực tiếp  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU B 03-DN/HN  
Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	37.719.205.098	293.700.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(34.157.186.191)	(1.562.668.035)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(514.823.841)	(1.171.439.589)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(98.887.812)	(139.559.546)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(32.173.707)	(5.066.163.267)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	9.852.238.301	32.286.597.468
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(13.367.927.745)	(17.654.450.289)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(599.555.897)</b>	<b>6.986.016.742</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	1.170.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.653.000.000)	(4.615.100.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	769.851.103	512.272.603
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.883.148.897)</b>	<b>(2.932.827.397)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH (*)	31	3.953.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(234.826.377)	(249.252.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.718.173.623</b>	<b>(249.252.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>1.235.468.829</b>	<b>3.803.937.345</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.464.242.824	10.104.178.972
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.699.711.653	13.908.116.317



Vũ Tuấn Hoàng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Phạm Văn Triệu  
Kế toán trưởng

## **I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tài Nguyên là Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư Tài Nguyên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2012, theo đó số vốn điều lệ của Công ty là 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng), tương ứng với 8.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/1cổ phần.

### **Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101881347 đăng ký thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2012, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng, bạc, đá quý và kim loại Nhà nước cấm);
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);
- Môi giới, xúc tiến thương mại;
- San lấp mặt bằng các công trình xây dựng;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ du lịch khác (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các dịch vụ về môi trường;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Tư vấn lập quy hoạch kế hoạch sử dụng đất (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Tư vấn, giới thiệu việc làm trong nước (trừ các hoạt động môi giới, xuất khẩu lao động và tuyển dụng cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản và quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản; Đào tạo tin học văn phòng; Đào tạo ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật; tiếng Hàn Quốc (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại; và
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản (dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Tài Nguyên, các công ty con là Công ty Cổ phần Sản phẩm bất động sản Tài Nguyên và Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội, các công ty liên doanh đồng kiểm soát là Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình và Dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội và công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt. Các Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của toàn bộ công ty liên doanh và liên kết chưa được kiểm toán. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đang trong quá trình xây dựng chưa đi vào hoạt động. Báo cáo tài chính của Dự án cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 không được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được lập cho mục đích công bố thông tin theo quy định đối với các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán.

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty cũng đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Hợp nhất.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết được kế toán và trình bày trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Giá gốc của khoản đầu tư tại ngày lập Báo cáo tài chính là tài sản thực đã đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết, được đánh giá hợp lý và/hoặc được các đồng chủ sở hữu (nếu có) hoặc của bên chuyển nhượng khoản đầu tư chấp nhận.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là các khoản thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc của khoản đầu tư tương ứng. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trong kỳ. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN**  
*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư được phân loại và trình bày trên Báo cáo tài chính dựa vào thời gian thu hồi hoặc đáo hạn. Cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ thời điểm phát sinh được coi là khoản “tương đương tiền”;
- Đối với các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn đến một (01) năm hoặc một (01) chu kỳ kinh doanh được phân loại là khoản đầu tư tài chính ngắn hạn;
- Đối với các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn trên một (01) năm hoặc một (01) chu kỳ kinh doanh được phân loại là khoản đầu tư tài chính dài hạn;

Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư tài chính khác tại ngày lập Báo cáo tài chính được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản đầu tư khác.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MÀU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Lợi thế thương mại (Tiếp theo)**

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán. Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	18
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 7
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

**Ghi nhận doanh thu và chi phí**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**V.1 Tiền**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	3.658.874.641	2.422.512.856
Tiền gửi ngân hàng	40.837.012	41.729.968
<b>Cộng</b>	<b>3.699.711.653</b>	<b>2.464.242.824</b>

**V.2 Các khoản phải thu khác**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Cho vay (*)	9.800.000.000	11.000.000.000
Phải thu khác	27.248.629.696	18.748.629.696
<b>Cộng</b>	<b>37.048.629.696</b>	<b>29.748.629.696</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN**  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**V.2 Các khoản phải thu khác (Tiếp theo)**

(\*) Đây là các khoản cho vay cá nhân, bao gồm 2 khoản vay chi tiết như sau:

- Hợp đồng vay số 02/2012/HDV-TN ngày 02/04/2012 Công ty Cổ phần Tài Nguyên cho cá nhân ông Trần Văn Hân vay số tiền 5.500.000.000 đồng, thời hạn cho vay không xác định, lãi suất 2%/tháng.

- Hợp đồng vay tiền 2012/HDV-XDTN ngày 30/3/2012, Công ty CP Xây Dựng Tài Nguyên Hà Nội cho ông Nguyễn Gia Khoa vay số tiền 4.300.000.000 đồng với lãi suất 2%/ tháng.

**V.3 Hàng tồn kho**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí SXKD dở dang	862.606.636	809.783.636
Cộng	<b>862.606.636</b>	<b>809.783.636</b>

**V.4 Tài sản ngắn hạn khác**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
T?m ?ng cho cán b? công nhân viên	5.000.000.000	9.000.000.000
C?ng	<b>5.000.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>

**V.5 Tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	1.702.756.393	193.735.022	1.896.491.415
Tại ngày 30/06/2012	1.702.756.393	193.735.022	1.896.491.415
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	483.536.950	81.004.966	564.541.916
Khấu hao trong kỳ	149.023.644	17.901.442	166.925.086
Tại ngày 30/06/2012	632.560.594	98.906.408	731.467.002
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2012	<b>1.219.219.443</b>	<b>112.730.056</b>	<b>1.331.949.499</b>
Tại ngày 30/06/2012	<b>1.070.195.799</b>	<b>94.828.614</b>	<b>1.165.024.413</b>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để thế chấp cho các khoản vay là 1.132.382.024 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**V.6 Tài sản cố định vô hình**

	Hệ thống website VND	Phần mềm kế toán VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	27.000.000	47.365.000	74.365.000
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 30/06/2012	27.000.000	47.365.000	74.365.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	9.750.000	14.472.634	24.222.634
Khấu hao trong kỳ	4.500.000	7.894.164	12.394.164
Tại ngày 30/06/2012	14.250.000	22.366.798	36.616.798
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2011	17.250.000	32.892.366	50.142.366
Tại ngày 30/06/2012	12.750.000	24.998.202	37.748.202

**V.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí khảo sát thiết kế dự án khai thác mỏ tại Lâm Đồng	107.743.243	107.743.243
<b>Cộng</b>	<b>107.743.243</b>	<b>107.743.243</b>

**V.8 Đầu tư vào Công ty con**

Công ty con	Tại ngày 30/06/2012		Tại ngày 01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần sản Bất động sản Tài Nguyên (*)	598.000	5.980.000.000	598.000	5.980.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Tài nguyên Hà Nội (**)	2.808.000	28.080.000.000	2.587.700	25.877.000.000
<b>Cộng</b>		<b>34.060.000.000</b>		<b>31.857.000.000</b>

(\*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần sản Bất động sản Tài Nguyên số 0103903765 thay đổi lần thứ 5 ngày 16 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, tổng vốn điều lệ là 6.500.000.000 đồng. Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2012, các cổ đông đã góp đủ vốn.

(\*\*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Xây dựng Tài nguyên Hà Nội số 0104562719 thay đổi lần thứ sáu ngày 10 tháng 10 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn pháp định và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 6.000.000.000 đồng và 30.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2012, các cổ đông đã góp đủ vốn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**V.9 Đầu tư và công ty liên kết, liên doanh**

Công ty liên kết, liên doanh	Tại ngày 30/06/2012		Tại ngày 01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt (*)	450.000	13.500.000.000	450.000	13.500.000.000
		25.783.550.000		25.333.550.000
Góp vốn liên doanh dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội (**)				
Góp vốn liên doanh vào Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình (***)	760.000	7.600.000.000	760.000	7.600.000.000
<b>Cộng</b>		<b>46.883.550.000</b>		<b>46.433.550.000</b>

(\* Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103023482 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2008, thay đổi lần 1 ngày 16 tháng 09 năm 2009. Vốn điều lệ là 15 tỷ đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài Nguyên trong Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt là 30%.

(\*\*) Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400340634 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 29 tháng 01 năm 2011. Đăng ký thay đổi lần 2 ngày 11 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình là khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài Nguyên trong Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình là 38%.

(\*\*\*) Đây là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HDHTKD ngày 25 tháng 05 năm 2009 về việc hợp tác đầu tư, quản lý, khai thác và kinh doanh dự án khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này, Công ty Cổ phần Tài Nguyên cùng với 3 đối tác khác sẽ cùng góp vốn và quản lý dự án nêu trên. Tỷ lệ vốn góp của mỗi đối tác là 25%. Lợi nhuận (hoặc lỗ) được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN**  
*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**V.10 Đầu tư dài hạn khác**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Dầu khí Điện Biên	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>

Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Dầu khí Điện Biên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5600214066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Điện Biên cấp ngày 03 tháng 02 năm 2010, vốn điều lệ là 80.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Dầu khí Điện Biên là khai thác và chế biến khoáng sản. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài nguyên trong Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Dầu khí Điện Biên là 10%.

**V.11 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	81.248.330	178.650.298
Chi phí cải tạo văn phòng	100.635.000	161.016.000
<b>Cộng</b>	<b>181.883.330</b>	<b>339.666.298</b>

**V.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	196.206.944	163.001.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	250.821.349	250.641.851
Thuế thu nhập cá nhân	69.136.607	51.656.170
<b>Cộng</b>	<b>516.164.900</b>	<b>465.299.021</b>

**V.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	22.600.000.000	22.600.000.000
	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Vân (*)</i>		
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnam Net (**)</i>	<i>12.600.000.000</i>	<i>12.600.000.000</i>
Vay Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình	5.086.828.461	5.085.100.000
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	183.495.667	22.128.540
<b>Cộng</b>	<b>27.870.324.128</b>	<b>27.707.228.540</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**V.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (Tiếp theo)**

(\*) Hợp đồng vay tiền số 2711/2009/HĐVT ký ngày 27/11/2009 được ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Vân và Công ty Cổ phần Tài Nguyên về việc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Vân cho Công ty Cổ phần Tài Nguyên vay vốn không chịu lãi suất. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Vân được hưởng quyền nhận chuyển nhượng hai sàn căn hộ chung cư từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HDHTKD ngày 25 tháng 05 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội số 41, Công ty Cổ phần Tài Nguyên, Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Tây Bắc, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Vân và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/2009/HDHTKD ngày 1 tháng 6 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội số 41 và Tổng Công ty Thành An - Bộ Quốc phòng.

(\*\*) Hợp đồng vay tiền số 06/2011/HĐVT và số 07/2011/HĐVT ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnam Net và Công ty Cổ phần Tài Nguyên về việc Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnam Net cho Công ty Cổ phần Tài Nguyên vay vốn với lãi suất là 0,6%/năm. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnam Net được quyền mua một khu đất nền với diện tích là 3.000 m<sup>2</sup> đã hoàn thiện hạ tầng và đủ điều kiện được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật của Công ty Cổ phần Tài Nguyên đầu tư tại Dự án Kiều Kị - Gia Lâm - Hà Nội. (thời hạn vay là 1 năm nếu bên vay có nhu cầu gia hạn thì trước khi hết hạn phải thông báo cho bên cho vay).

**V.14 Vay và nợ dài hạn**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải (*)	195.000.000	240.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (**)	71.914.623	172.491.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế (***)	446.250.000	535.500.000
<b>Cộng</b>	<b>713.164.623</b>	<b>947.991.000</b>

(\*) Đây là khoản vay theo hợp đồng số 1/SGD-PGDĐT-CC/BD ngày 03 tháng 08 năm 2009. Mục đích là để mua xe ô tô Innova. Thời gian vay là 60 tháng. Lãi suất của khoản vay này được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng của Ngân hàng TMCP Hàng Hải cộng (+) với 4%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

(\*\*) Đây là khoản vay theo hợp đồng số 15.200909.03/HĐTD ngày 23 tháng 09 năm 2009. Mục đích là để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô Kamaz. Thời gian vay là 36 tháng. Lãi suất của khoản vay này được xác định tại thời điểm giải ngân là 0,875%/tháng và được điều chỉnh theo thông báo của SeaBank trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

(\*\*\*) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 10.11.10.116 ngày 24 tháng 12 năm 2010. Mục đích vay để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô Camry. Thời gian vay là 48 tháng. Lãi suất của khoản vay này được xác định tại thời điểm giải ngân là 19%/năm áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 3 tháng của VIB cộng (+) 5%/năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại mỗi kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN**  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**V.14 Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	340.414.623	498.504.000
Trong năm thứ 2	372.750.000	449.487.000
<b>Cộng</b>	<b>713.164.623</b>	<b>947.991.000</b>

**V.15 Vốn chủ sở hữu**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2011	85.000.000.000	2.165.000.000	16.817.268.456	103.982.268.456
Lợi nhuận trong năm	-	-	392.971.645	392.971.645
Tại ngày 01/01/2012	85.000.000.000	2.165.000.000	17.210.240.101	104.375.240.101
Lỗ trong kỳ	-	-	(1.339.047.675)	(1.339.047.675)
Tại ngày 30/06/2012	<b>85.000.000.000</b>	<b>2.165.000.000</b>	<b>15.871.192.426</b>	<b>103.036.192.426</b>

**b. Cổ phiếu**

	30/06/2012	01/01/2012
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**VI.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
	VND	VND
	<b>32.515.542.762</b>	<b>60.000.000</b>
Doanh thu bán hàng hóa	32.490.542.762	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.000.000	60.000.000
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>32.515.542.762</b>	<b>60.000.000</b>

**VI.2 Giá vốn hàng bán**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
	VND	VND
	<b>32.276.020.886</b>	<b>270.000.000</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	32.276.020.886	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	25.000.000	270.000.000
<b>Cộng</b>	<b>32.301.020.886</b>	<b>270.000.000</b>

**VI.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
	VND	VND
	<b>769.851.103</b>	<b>8.732.603</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	769.851.103	8.732.603
<b>Cộng</b>	<b>769.851.103</b>	<b>8.732.603</b>

**VI.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
	VND	VND
	<b>98.887.812</b>	<b>875.816.060</b>
Lãi tiền vay	98.887.812	875.816.060
<b>Cộng</b>	<b>98.887.812</b>	<b>875.816.060</b>

**VI.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
	VND	VND
	<b>(1.339.047.675)</b>	<b>(5.896.387.537)</b>
Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	(1.339.047.675)	(5.896.387.537)
Số cổ phần PT lưu hành đầu kỳ	8.500.000	8.500.000
Số cổ phần PT lưu hành cuối kỳ	8.500.000	8.500.000
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.500.000	8.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(158)</b>	<b>(694)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**VII.1 Công cụ tài chính**

**Áp dụng quy định kế toán mới**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày, thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.10 "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác" và V.11 "Vay và nợ dài hạn" trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số VI. "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu".

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.699.711.653	2.464.242.824
Phải thu khách hàng và phải thu khác	116.324.436.485	110.890.194.488
Đầu tư dài hạn	43.310.811.830	43.380.369.897
<b>Cộng</b>	<b>163.334.959.968</b>	<b>156.734.807.209</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	713.164.623	947.991.000
Phải trả người bán và phải trả khác	41.602.304.732	33.287.710.640
Chi phí phải trả	17.120.000	17.120.000
<b>Cộng</b>	<b>42.332.589.355</b>	<b>34.252.821.640</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 30 tháng 06 năm 2012.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN**  
*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty không có giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN**  
*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
<b>Tại ngày 30/06/2012</b>			
Các khoản vay	340.414.623	372.750.000	713.164.623
Phải trả người bán và phải trả khác	41.602.304.732	-	41.602.304.732
Chi phí phải trả	17.120.000	-	17.120.000
<b>Cộng</b>	<b>41.959.839.355</b>	<b>372.750.000</b>	<b>42.332.589.355</b>
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>			
Các khoản vay	498.504.000	449.487.000	947.991.000
Phải trả người bán và phải trả khác	33.287.710.640	-	33.287.710.640
Chi phí phải trả	17.120.000	-	17.120.000
<b>Cộng</b>	<b>33.803.334.640</b>	<b>449.487.000</b>	<b>34.252.821.640</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
<b>Tại ngày 30/06/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.699.711.653	-	3.699.711.653
Phải thu khách hàng và phải thu khác	116.324.436.485	-	116.324.436.485
Đầu tư dài hạn	43.310.811.830	-	43.310.811.830
<b>Cộng</b>	<b>163.334.959.968</b>	<b>-</b>	<b>163.334.959.968</b>
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.464.242.824	-	2.464.242.824
Phải thu khách hàng và phải thu khác	110.890.194.488	-	110.890.194.488
Đầu tư dài hạn	43.380.369.897	-	43.380.369.897
<b>Cộng</b>	<b>156.734.807.209</b>	<b>-</b>	<b>156.734.807.209</b>

**VII.2 Thông tin với các bên liên quan**

*Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên có liên quan như sau:*

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
<b>Góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>450.000.000</b>	<b>6.955.100.000</b>
1. Đầu tư vào Công ty CP Phú Hà Hòa Bình	-	5.155.100.000
2. Góp vốn liên doanh dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội	450.000.000	1.800.000.000

*Số dư với các bên liên quan tại ngày 30/06/2012 như sau:*

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Các khoản tạm ứng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>6.500.000.000</b>
Ông Trương Sơn Hiền	2.000.000.000	2.000.000.000
Ông Nguyễn Bá Huân	2.000.000.000	2.000.000.000
Ông Vũ Tuấn Hoàng	1.000.000.000	2.500.000.000
<b>Các khoản đi vay</b>	<b>5.086.828.461</b>	<b>5.085.100.000</b>
Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình	5.086.828.461	5.085.100.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN**  
*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII.2 Thông tin với các bên liên quan (Tiếp theo)**

*Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng 6 tháng đầu năm 2012 như sau:*

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp của Ban Giám đốc, HĐQT	238.000.000	498.000.000

**VII.3 Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**VII.4 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 của Công ty Cổ phần Tài nguyên đã được soát xét.



Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

**Phạm Văn Triệu**  
Kế toán trưởng